BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI **THANH TRA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 127/KL-TTr	*Hà Nội, ngày 07 tháng 06 năm 2023*

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại Công ty TNHH một thành viên Đào tạo và Cung ứng nhân lực - Haui

Thực hiện Quyết định số 194/QĐ-TTr ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại Công ty TNHH một thành viên Đào tạo và Cung ứng nhân lực - Haui (sau đây gọi là doanh nghiệp), ngày 24 và 25 tháng 4 năm 2023, Đoàn thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại doanh nghiệp;

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

1. Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH một thành viên Đào tạo và Cung ứng nhân lực - Haui.

Tên viết tắt: Letco.

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101138244 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 16/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 19/10/2022.

3. Trụ sở chính: số 298 đường Cầu Diễn, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

4. Đã được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài số 09/LĐTBXH-GP ngày 10/3/2022.

5. Chi nhánh: doanh nghiệp có 02 chi nhánh hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

5.1. Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Đào tạo và Cung ứng nhân lực – Haui tại Vĩnh Phúc

- Địa chỉ: số 243, đường Nguyễn Viết Xuân, phường Đống Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Mã số chi nhánh: 0101138233-001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp, đăng ký lần đầu ngày 27/6/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 30/9/2013.

- Ngày 09/12/2022, doanh nghiệp đã ban hành Quyết định số 252/2022/QĐ-LETCO về việc giao nhiệm vụ thực hiện một số hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đối với thị trường Hàn Quốc và thị trường Đài Loan gồm: chuẩn bị nguồn lao động và tuyển chọn người lao động; tổ chức bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ, giáo dục định hướng cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài; thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (trừ hoạt động thu tiền dịch vụ, tiền ký quỹ của người lao động).

- Người đứng đầu chi nhánh: ông Đỗ Mạnh Cường

- Chi nhánh có Giám đốc và 03 nhân viên nghiệp vụ.

5.2. Công ty TNHH một thành viên Đào tạo và Cung ứng nhân lực – Haui – Chi nhánh Bắc Ninh

- Địa chỉ: khu 10, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Mã số chi nhánh: 0101138233-004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 16/9/2015.

- Ngày 09/12/2022, doanh nghiệp đã ban hành Quyết định số 253/2022/QĐ-LETCO về việc giao nhiệm vụ thực hiện một số hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đối với thị trường Đài Loan gồm: chuẩn bị nguồn lao động và tuyển chọn người lao động; tổ chức bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ, giáo dục định hướng cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài; thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (trừ hoạt động thu tiền dịch vụ, tiền ký quỹ của người lao động).

- Người đứng đầu chi nhánh: bà Nguyễn Thị Liên.

- Chi nhánh có Giám đốc và 04 nhân viên nghiệp vụ.

6. Địa điểm kinh doanh: doanh nghiệp không thành lập địa điểm kinh doanh hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

7. Địa chỉ trang thông tin điện tử: https://letcohaui.vn

8. Số tài khoản của doanh nghiệp: 000063010008 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Điện Liên Việt – Chi nhánh Đông Đô.

9. Vốn điều lệ của doanh nghiệp: 18.000.0000.000 đồng.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Thực hiện chế độ báo cáo

Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về tình hình hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Việc đăng tải các thông tin trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp

- Đã đăng Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng của doanh nghiệp.

- Đã đăng thông tin về người đại diện theo pháp luật; danh sách nhân viên nghiệp vụ; địa chỉ trụ sở chính, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giáo dục định hướng cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài; quyết định giao nhiệm vụ cho chi nhánh và cập nhật khi có sự thay đổi.

- Đã đăng đủ, chính xác về số lượng, tiêu chuẩn tuyển chọn, điều kiện làm việc, quyền lợi, nghĩa vụ của người lao động theo nội dung hợp đồng cung ứng lao động.

- Việc chuẩn bị nguồn lao động, văn bản của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chấp thuận cho doanh nghiệp chuẩn bị nguồn lao động: không phát sinh.

3. Tổ chức bộ máy hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài

3.1. Tổ chức bộ máy hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài tại doanh nghiệp

- Cơ cấu tổ chức bộ máy của doanh nghiệp gồm: Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó giám đốc, 07 phòng nghiệp vụ, 1 trung tâm đào tạo và 02 chi nhánh: phòng Tuyển dụng lao động Nhật Bản 1; phòng Tuyển dụng lao động Nhật Bản 2; phòng Nghiệp vụ I; phòng Nghiệp vụ II; phòng Nghiệp vụ III; phòng Nhân sự - Tổng hợp; phòng Tài chính - Kế toán; Trung tâm Đào tạo LETCO; Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Đào tạo và Cung ứng nhân lực – Haui tại Vĩnh Phúc và Công ty TNHH một thành viên Đào tạo và Cung ứng nhân lực – Haui – Chi nhánh Bắc Ninh.

- Đã thực hiện phân công nhiệm vụ cho các phòng nghiệp vụ, chi nhánh.

- Người đại diện pháp luật trong hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng của doanh nghiệp là ông Nguyễn Quang Trung - Giám đốc, có bằng cấp chuyên môn và kinh nghiệm bảo đảm theo quy định.

- Tổng số nhân viên nghiệp vụ trong bộ máy hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài: 25 người đáp ứng các vị trí và điều kiện, tiêu chuẩn về bằng cấp chuyên môn theo quy định.

3.2. Tổ chức bộ máy của chi nhánh được giao nhiệm vụ hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Tại Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Đào tạo và Cung ứng nhân lực - Haui tại Vĩnh Phúc:

+ Người đứng đầu chi nhánh là ông Đỗ Mạnh Cường có kinh nghiệm 11 trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

+ Có 04 nhân viên nghiệp vụ: 02 nhân viên nghiệp vụ tuyển chọn lao động, 01 nhân viên (Giám đốc) nghiệp vụ bồi dưỡng kiến/giáo dục định hướng và 01 nhân viên thực hiện chế độ đối với người lao động.

- Tại Công ty TNHH một thành viên Đào tạo và Cung ứng nhân lực – Haui – Chi nhánh Bắc Ninh:

+ Người đứng đầu chi nhánh là bà Nguyễn Thị Liên, có kinh nghiệm 13 năm trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

+ Có 05 nhân viên nghiệp vụ: 01 nhân viên nghiệp vụ tuyển chọn lao động, 02 nhân viên nghiệp vụ giáo dục định hướng (trong đó có Giám đốc), 01 nhân viên quản lý lao động ở Đài Loan và 01 nhân viên thực hiện chế độ đối với người lao động.

Tất cả các nhân viên nghiệp vụ đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn về bằng cấp chuyên môn và tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo quy định.

4. Ký kết và thực hiện hợp đồng, thỏa thuận liên quan đến việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

4.1. Hợp đồng cung ứng lao động

- Tổng số hợp đồng cung ứng lao động được ký kết trong thời kỳ thanh tra: 40 hợp đồng (24 hợp đồng tại thị trường Nhật Bản, 13 hợp đồng tại thị trường Đài Loan và 03 hợp đồng tại thị trường Hàn Quốc).

- Nội dung của các hợp đồng cung ứng lao động đã đảm bảo theo quy định.

- Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp đã đăng ký thực hiện các hợp đồng cung ứng và được Cục Quản lý lao động ngoài nước chấp thuận tại 339 phiếu trả lời (192 phiếu trả lời với các hợp đồng cung ứng tại thị trường Nhật Bản, 144 phiếu trả lời với các hợp đồng cung ứng tại thị trường Đài Loan và 03 phiếu trả lời với các hợp đồng cung ứng tại thị trường Hàn Quốc).

4.2. Hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài

- Tổng số hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài được ký kết trong thời kỳ thanh tra: 1.516 hợp đồng (1.258 hợp đồng thị trường Nhật Bản và 224 hợp đồng thị trường Đài Loan, 34 hợp đồng thị trường Hàn Quốc).

- Kiểm tra 02 hợp đồng ký với người lao động (Mai Thị Lý, xuất cảnh ngày 15/01/2023 và Nguyễn Thị Phương Anh, xuất cảnh ngày 15/01/2023): doanh nghiệp ký không đúng mẫu hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng với người lao động: không có nội dung về Điều 5. Thỏa thuận ký quỹ, Điều 6. Điều khoản bồi thường thiệt hại, Điều 7. Gia hạn hợp đồng.

- Thời điểm ký hợp đồng: doanh nghiệp đã ký hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trước khi người lao động xuất cảnh ít nhất 05 ngày.

4.3. Hợp đồng môi giới và thù lao theo hợp đồng môi giới

Không phát sinh.

4.4. Hợp đồng bảo lãnh

Không phát sinh.

5. Chuẩn bị nguồn lao động và tuyển chọn người lao động để đưa đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

5.1. Việc thực hiện chuẩn bị nguồn lao động

- Trong kỳ thanh tra, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội không có văn bản chấp thuận việc đăng ký thực hiện chuẩn bị nguồn lao động đối với doanh nghiệp.

- Ngày 01/11/2022, Cục trưởng Cục Quản lý lao động ngoài nước ban hành Quyết định số 135/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp, do đã có hành vi vi phạm "chuẩn bị nguồn lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo thị thực E7 ngành đóng tàu khi chưa có văn bản chấp thuận của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội".

5.2. Việc thực hiện tuyển chọn người lao động để đưa đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Phương thức tuyển chọn lao động để đưa đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: doanh nghiệp trực tiếp tuyển chọn người lao động thông qua nhân viên nghiệp vụ tại trụ sở chính, 02 chi nhánh và văn phòng đại diện của doanh nghiệp. Thực hiện niêm yết công khai thông báo tuyển chọn lao động tại cổng trụ sở doanh nghiệp, đăng trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp.

- Thông tin tuyển chọn lao động đi làm việc ở nước ngoài đã thể hiện đủ các thông tin về số lượng, tiêu chuẩn tuyển chọn, điều kiện làm việc, quyền lợi, nghĩa vụ của người lao động theo nội dung hợp đồng cung ứng lao động.

- Các khoản phí tuyển chọn lao động đi làm việc ở nước ngoài: không.

- Đã thực hiện cam kết bằng văn bản thời gian xuất cảnh sau khi người lao động trúng tuyển đi làm việc ở nước ngoài.

- Doanh nghiệp có 01 văn phòng đại diện để thực hiện công tác tuyên chọn lao động gồm:

+ Tên văn phòng: Văn phòng đại diện Công ty TNHH một thành viên Đào tạo và Cung ứng nhân lực – Haui tại Nghệ An.

+ Địa chỉ: số 13, ngõ 30, đường Nguyễn Kiệm, khối 8, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

+ Mã số văn phòng đại diện: 0101138233-006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký lần đầu ngày 15/3/2023.

+ Người đứng đầu văn phòng đại diện: ông Võ Ngọc Hiếu.

6. Công tác tổ chức bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ, giáo dục định hướng cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài

6.1. Cơ sở vật chất để tổ chức giáo dục định hướng cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài

Doanh nghiệp có 03 cơ sở thực hiện giáo dục định hướng cho người lao động đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất để tổ chức giáo dục định hướng cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài, cụ thể:

6.1.1. Cơ sở đào tạo thứ nhất

- Trung tâm Đào tạo LETCO

- Địa chỉ: nhà B10 trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Có 14 phòng học tại tầng 3, mỗi phòng 27m^2, được trang bị đủ thiết bị dạy và học.

- Có 22 phòng nội trú, mỗi phòng 27 m^2, được trang bị đủ thiết bị giường, tủ, khu vệ sinh riêng theo từng phòng.

- Có 01 phòng Y tế đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định.

6.1.2. Cơ sở đào tạo thứ hai

- Cơ sở Đào tạo lao động xuất khẩu tại Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Đào tạo và Cung ứng nhân lực – Haui tại Vĩnh Phúc

- Địa chỉ: số 243, đường Nguyễn Viết Xuân, phường Đống Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Có 8 phòng học, mỗi phòng 27m^2, được trang bị đủ thiết bị dạy và học.

- Có 16 phòng nội trú, mỗi phòng 27 m^2, được trang bị đủ thiết bị giường, tủ, khu vệ sinh riêng theo từng phòng.

- Có 01 phòng Y tế đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định.

6.1.3. Cơ sở đào tạo thứ ba

- Cơ sở Đào tạo lao động xuất khẩu tại Công ty TNHH một thành viên Đào tạo và Cung ứng nhân lực – Haui – Chi nhánh Bắc Ninh

- Địa chỉ: khu 10, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

- Có 4 phòng học tại tầng 1, mỗi phòng diện tích 18 m^2.

- Có 20 phòng nội trú tại tầng 2 và tầng 3, mỗi phòng diện tích 18m^2.

6.2. Chương trình, nội dung, thời lượng, tài liệu giáo dục định hướng cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài

- Chương trình giáo dục định hướng cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài: tổng số 74 tiết, trong đó 20 tiết thực hành và 54 tiết lý thuyết theo Quyết định số 255/2021/QĐ-LETCO ngày 30/12/2021 của Giám đốc doanh

nghiệp về việc ban hành chương trình Giáo dục định hướng và tài liệu tham khảo cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Doanh nghiệp đã xây dựng tài liệu giáo dục định hướng cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Tuy nhiên, tài liệu giáo dục định hướng thiếu một số nội dung: không có nội dung về hợp đồng ký quỹ, hợp đồng bảo lãnh, hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, không có thông tin đại diện quản lý, hỗ trợ lao động ở nước ngoài của doanh nghiệp, số điện thoại cứu hỏa, cảnh sát của nước lao động làm việc.

- Đã tổ chức kiểm tra kết quả sau mỗi khóa giáo dục định hướng làm căn cứ cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học giáo dục định hướng cho người lao động. Tuy nhiên, giấy chứng nhận hoàn thành khóa học giáo dục định hướng chưa thể hiện đủ thông tin theo quy định: ghi quê quán (chỉ ghi theo tỉnh, thành phố) mà không phải địa chỉ thường trú của người lao động; không có nội dung thể hiện ngành, nghề làm việc; nước, lãnh thổ người lao động đến làm việc (giấy chứng nhận của người lao động Mai Thị Lý và người lao động Nguyễn Thị Phương Anh).

- Tổng số lao động đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học giáo dục định hướng: 1.313 người.

+ Thị trường Nhật Bản: 1.048 người.

+ Thị trường Đài Loan: 224 người.

+ Thị trường Hàn Quốc: 34 người.

- Số lao động hiện đang được giáo dục định hướng: 116 người (lao động đi làm việc tại thị trường Nhật Bản: 91 người; lao động đi làm việc tại thị trường Đài Loan: 25 người).

- Đã lập sổ theo dõi và cấp phát giấy chứng nhận hoàn thành khóa học giáo dục định hướng cho người lao động.

6.3. Đào tạo ngoại ngữ, nghề cho người lao động

- Doanh nghiệp trực tiếp đào tạo ngoại ngữ tiếng Anh cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài.

- Đã thực hiện bồi dưỡng ngoại ngữ theo yêu cầu của đối tác nước ngoài cho người lao động từ khi tuyển chọn đến khi người lao động kiểm tra đạt yêu cầu về điều kiện ngoại ngữ: đối với thị trường Nhật Bản, đào tạo từ 4-6 tháng với tổng 640 tiết học bao gồm cả ôn tập, kiểm tra, đánh giá (đạt N5), đào tạo từ 6-8 tháng với tổng 880 tiết học bao gồm cả ôn tập, kiểm tra, đánh giá (đạt N4); đối với thị trường Đài Loan, đào tạo từ 1-3 tháng với tổng 360 tiết học bao gồm ôn tập, kiểm tra, đánh giá; đối với thị trường Hàn Quốc, đào tạo tiếng Hàn Quốc cho thuyền viên trong vòng 3 tuần tổng 182 tiết.

- Đào tạo nghề: không phát sinh.

7. Việc quản lý người lao động; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Đã thực hiện quy định về hồ sơ của người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Số lao động đã đưa đi làm việc ở nước ngoài từ 01/01/2022 đến 24/4/2023: 1.313 người (1.048 người thị trường Nhật Bản, 34 người thị trường Hàn Quốc và thị trường Đài Loan là 224).

- Số lao động đang làm việc ở nước ngoài tính đến ngày 24/4/2023: 2.566 người (1.688 người thị trường Nhật Bản, 197 người thị trường Hàn Quốc và 675 người thị trường Đài Loan).

- Số lao động về nước từ ngày 01/01/2022 đến ngày 24/4/2023: 1.832 người, trong đó:

+ Số đã hoàn thành hợp đồng: 1.805 người (958 người thị trường Nhật Bản, 19 người thị trường Hàn Quốc và 828 người thị trường Đài Loan).

+ Số đã về trước thời hạn hợp đồng: 27 người (12 người thị trường Nhật Bản và 15 người thị trường Đài Loan), trong đó: 24 người do nhu cầu về nước trước hạn của người lao động để giải quyết việc riêng, 03 lao động về nước do lỗi người lao động.

+ Số lao động bỏ trốn (bị trục xuất về nước): không.

- Thực hiện biện pháp quản lý lao động của doanh nghiệp ở từng nước:

+ Đã bố trí 07 nhân viên nghiệp vụ quản lý và hỗ trợ người lao động ở nước ngoài nơi có lao động sang làm việc: 03 người thị trường Nhật Bản, 01 người thị trường Hàn Quốc và 03 người thị trường Đài Loan).

+ Hằng tháng, đã cập nhật thông tin về người lao động do doanh nghiệp đưa đi trên Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

+ Việc cung cấp trợ giúp pháp lý trong trường hợp người lao động cần đến hỗ trợ pháp lý khi bị lạm dụng, bạo lực hoặc phân biệt đối xử trong thời gian làm việc ở nước ngoài: không phát sinh.

- Số vụ việc tranh chấp lao động giữa người lao động và Công ty, giữa người lao động và người sử dụng lao động ở nước ngoài liên quan đến các hợp đồng lao động: không phát sinh.

8. Thực hiện chế độ tài chính trong hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

8.1. Tiền ký quỹ của Doanh nghiệp

- Số tiền ký quỹ: 2.000.000.000 đồng.

- Số tài khoản ký quỹ: 000063010367 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt.

8.2. Tiền ký quỹ của chi nhánh được giao chức năng hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Chi nhánh Bắc Ninh:

+ Số tiền ký quỹ: 500.000.000 đồng.

+ Số tài khoản ký quỹ: 000063010369 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt.

- Chi nhánh Vĩnh Phúc:

+ Số tiền ký quỹ: 500.000.000 đồng.

+ Số tài khoản ký quỹ: 000063010370 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt.

8.3. Tiền ký quỹ của người lao động:

- Số lao động thực hiện ký quỹ trong kỳ thanh tra: 20 người (thị trường Hàn Quốc).

- Hình thức ký quỹ: gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa của người lao động tại ngân hàng.

- Mức tiền ký quỹ: 36.000.000 đồng.

- Việc hoàn trả tiền ký quỹ của người lao động từ 01/01/2022 đến 31/3/2023: không hoàn trả tiền ký quỹ cho 126 lao động theo quy định khi thanh lý hợp đồng (doanh nghiệp hạch toán tài khoản 711), số tiền chưa hoàn trả là 1.479.592.755 đồng *(chi tiết theo Phụ lục kèm theo).*

8.4. Tiền môi giới: không phát sinh.

8.5. Tiền dịch vụ

- Chứng từ thu tiền dịch vụ thể hiện mức thu:

+ Thị trường Nhật Bản: từ 2.280.000 đồng đến 6.840.000 đồng;

+ Thị trường Hàn Quốc: từ 36.000.000 đồng đến 46.320.000 đồng;

+ Thị trường Đài Loan: 5.760.000 đồng.

- Cách thức thu: thu tiền mặt hoặc chuyển khoản; đối với thị trường Nhật Bản, doanh nghiệp được nghiệp đoàn Nhật Bản trả phí quản lý bằng cách chuyển khoản.

- Thời điểm thu: sau khi ký hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Đã hoàn trả tiền dịch vụ cho người lao động về nước trước thời hạn theo quy định.

8.6. Học phí giáo dục định hướng, học nghề (bổ túc nghề), ngoại ngữ

- Doanh nghiệp không thu tiền học phí giáo dục định hướng của người lao động.

- Thu tiền bồi dưỡng ngoại ngữ cho người lao động với mức:

+ Thị trường Nhật Bản: 5.600.000 đồng/người đến 10.900.000 đồng/người;

+ Thị trường Hàn Quốc: 3.750.000 đồng/người;

+ Thị trường Đài Loan: không.

- Học phí học nghề, bổ túc nghề: không phát sinh.

8.7. Bảo hiểm xã hội

- Doanh nghiệp không thu tiền bảo hiểm xã hội của người lao động.

- Hồ sơ của người lao động đi làm việc ở nước ngoài có cam kết của người lao động tự đóng bảo hiểm xã hội trực tiếp cho cơ quan bảo hiểm xã hội nơi cư trú của người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài.

8.8. Đóng quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước

- Số tiền đóng quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước doanh nghiệp phải đóng: 195.000.000 đồng.

+ Số tiền đã đóng: 195.000.000 đồng.

+ Số tiền còn phải đóng: không.

+ Thời gian đóng: trước ngày 10 của tháng tiếp theo. Tuy nhiên, có 02 lần đóng không đúng thời hạn vào Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước theo quy định (đóng ngày 23/5/2022, 12/9/2022).

- Số tiền đóng quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước của người lao động phải đóng: 130.000.000 đồng.

+ Số tiền của người lao động đã đóng: 130.000.000 đồng.

+ Số tiền còn phải đóng: không.

+ Phương thức đóng: người lao động thông qua doanh nghiệp để đóng vào quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước.

+ Thời gian đóng: trước ngày 10 của tháng tiếp theo. Tuy nhiên, có 02 lần đóng không đúng thời hạn vào Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước theo quy định (đóng ngày 23/5/2022, 12/9/2022).

8.9. Các khoản thu khác

Các khoản thu của người lao động để doanh nghiệp làm thủ tục nhập cảnh: Visa đi Đài Loan: 1.518.000 đồng; Visa đi Nhật: 640.000 đồng; Visa đi Hàn Quốc: 510.000 đồng; vé máy bay đi Đài Loan: khoảng 250USD; vé máy bay đi Hàn Quốc: khoảng 350 USD.

9. Thanh lý hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài với người lao động

- Số lao động đã thanh lý hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài từ ngày 01/01/2022 đến 24/4/2023: 2.118 người (số đơn phương thanh lý từ ngày 01/01/2022 đến 24/4/2023: 910 người).

- Số lao động chưa thanh lý hợp đồng đến ngày 24/4/2023: 281 người (chưa đến hạn thanh lý).

10. Hỗ trợ giới thiệu việc làm cho người lao động sau khi về nước

- Đã tư vấn, hỗ trợ cho người lao động các thủ tục liên quan đến chấm dứt hợp đồng lao động, quyền lợi, chế độ và thủ tục về nước. Tổng số người lao động được tư vấn, hỗ trợ trong kỳ thanh tra: 1.208 người.

- Số lao động được hỗ trợ giới thiệu việc làm cho người lao động sau khi về nước: 200 người lao động về nước có nguyện vọng giới thiệu việc làm đã được doanh nghiệp hỗ trợ giới thiệu việc làm.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về tình hình hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

1.2. Đã đăng đủ các thông tin về hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp.

1.3. Đã bố trí đủ số lượng nhân viên nghiệp vụ đáp ứng tiêu chuẩn để thực hiện hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

1.4. Đã đăng ký 40 hợp đồng cung ứng và thực hiện hợp đồng cung ứng sau khi Cục Quản lý lao động ngoài nước có văn bản chấp thuận.

1.5. Đã ký 1.516 hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trước khi người lao động xuất cảnh ít nhất 05 ngày.

1.6. Đã trực tiếp tuyển chọn người lao động để đưa đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

1.7. Thông tin tuyển chọn lao động đi làm việc ở nước ngoài đã thể hiện đủ, chính xác về số lượng, tiêu chuẩn tuyển chọn, điều kiện làm việc, quyền lợi, nghĩa vụ của người lao động theo nội dung hợp đồng cung ứng lao động.

1.8. Đã thực hiện cam kết bằng văn bản thời gian xuất cảnh sau khi người lao động trúng tuyển đi làm việc ở nước ngoài.

1.9. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giáo dục định hướng đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

1.10. Đã tổ chức giáo dục định hướng và cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học giáo dục định hướng cho 1.313 người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

1.11. Đã đào tạo ngoại ngữ và đánh giá trình độ theo yêu cầu của đối tác nước ngoài trước khi người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

1.12. Đã thực hiện quy định về hồ sơ của người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

1.13. Đã cập nhật thông tin về người lao động do doanh nghiệp đưa đi trên Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

1.14. Doanh nghiệp đã thực hiện ký quỹ với số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng); 02 chi nhánh thực hiện ký quỹ với số tiền 500.000.000 đồng/chi nhánh.

1.15. Đã thu tiền dịch vụ của người lao động theo quy định.

1.16. Đã tư vấn, hỗ trợ cho người lao động các thủ tục liên quan đến chấm dứt hợp đồng lao động, quyền lợi, chế độ và thủ tục về nước.

2. Những quy định của pháp luật về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Ký hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng với 02 người lao động (Mai Thị Lý, xuất cảnh ngày 15/01/2023 và Nguyễn Thị Phương Anh, xuất cảnh ngày 15/01/2023) không đúng Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: không có nội dung về Điều 5. Thỏa thuận ký quỹ, Điều 6. Điều khoản bồi thường thiệt hại, Điều 7. Gia hạn hợp đồng.

2.2. Tài liệu giáo dục định hướng cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài chưa đủ nội dung theo quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: không có nội dung về hợp đồng ký quỹ, hợp đồng bảo lãnh, hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, không có thông tin đại diện quản lý, hỗ trợ lao động ở nước ngoài của doanh nghiệp, số điện thoại cứu hỏa, cảnh sát của nước lao động làm việc.

2.3. Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học giáo dục định hướng chưa đủ, đúng thông tin theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: ghi quê quán (chỉ ghi theo tỉnh, thành phố) mà không phải địa chỉ thường trú của người lao động; không có nội dung thể hiện ngành, nghề làm việc, nước, lãnh thổ người lao động đến làm việc (giấy chứng nhận của người lao động Mai Thị Lý và người lao động Nguyễn Thị Phương Anh).

2.4. Chưa hoàn trả tiền ký quỹ cho 126 người lao động (số tiền là 1.479.592.755 đồng) khi đã thanh lý hợp đồng đưa 126 người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài năm 2020.

2.5. Đóng không đúng thời hạn vào Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Quyết định số 40/2021/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ: trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp có 02 lần đóng không đúng thời hạn vào Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước theo quy định (đóng ngày 23/5/2022 và ngày 12/9/2022).

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG:

Chánh thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 20/QĐ-XPVPHC ngày 09/5/2023 xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp, tổng số tiền xử phạt là 42.500.000 đồng, do đã thực hiện 02 hành vi vi phạm:

- Ký không đúng mẫu hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đối với 02 người lao động.

- Đóng không đúng thời hạn vào Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước theo quy định của pháp luật.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội yêu cầu Giám đốc doanh nghiệp khắc phục vi phạm nêu tại Kết luận này như sau:

- Chấp hành nghiêm Quyết định số 20/QĐ-XPVPHC ngày 09/5/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội xử phạt vi phạm hành chính nêu tại phần IV.

- Khắc phục ngay vi phạm nêu tại điểm 2.4 phần III.

- Khắc phục vi phạm nêu tại điểm 2.1, 2.3 và 2.5 phần III khi phát sinh.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận này, Giám đốc doanh nghiệp phải khắc phục vi phạm nêu tại điểm 2.2 phần III và báo cáo (bằng văn bản) kết quả khắc phục các kiến nghị nêu trên, gửi kèm các văn bản, hồ sơ có liên quan đến việc khắc phục sai phạm về Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội)./.

Nơi nhận:
- Doanh nghiệp (để t/h);
- Cục Quản lý lao động ngoài nước (để p/h);
- Cổng TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu TTr, Hồ sơ.

CHÁNH THANH TRA

Nguyễn Tiến Tùng

DANH SÁCH 126 LAO ĐỘNG CHƯA HOÀN TRẢ TIỀN KÝ QUỸ

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Tên người lao động	Tiền ký quỹ còn lại	Tiền lãi	Số tiền doanh nghiệp đã hạch toán
1	(Trốn)Dương Đình Viên, 01/10/1974, 183030384, B7837003, Kỳ Nình, Kỳ Ah, Hà Tĩnh	8.638.050	1.976.271	10.614.321
2	(Trốn) Bùi Giang Đức, 29/11/1994, B8042476, Cao Thắng, Kỳ Xuân, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	9.723.000	2.236.290	11.959.290
3	(Trốn) Cao Trọng Kiên, 20/10/1986, C1827676, Xóm 16, Diễn Thịnh, Diễn Châu, Nghệ An	14.397.000	3.293.842	17.690.842
4	(Trốn) Đặng Văn Tiếp, 16/02/1989, B6216569, Diễn Thịnh, Diễn Châu, Nghệ An	7.193.250	1.654.448	8.847.698
5	(Trốn) Đào mạnh Tuân, 06/10/1989, B7021911, 186715353, khối 11, Nghi Hương, Cửa Lò, Nghệ An	8.638.050	1.986.752	10.624.802
6	(Trốn) Đậu Đức Linh, 27/09/1992, B4684364, Nghi Hải, Cửa Lò, Nghệ An	9.210.500	2.107.240	11.317.740
7	(Trốn) Đậu Văn Hải, 26/07/1983, B6293052, Diễn Thịnh, Diễn Châu, Nghệ An	10.590.000	2.422.851	13.012.851
8	(Trốn) Đậu Văn Tuấn, 28/10/1992, Khối 2, nghi Tân, Cửa Lò, Nghệ An	7.207.625	1.657.754	8.865.379
9	(Trốn) Dương Nhỏ, 08/03/1975, 194404482, B6314131 , Nhân Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	8.638.050	1.976.271	10.614.321
10	(Trốn) Dương Văn Đông, 01/09/1989, B4736985, Cương Gián, Nghi Xuân, Hà Tĩnh	9.723.000	2.236.290	11.959.290
11	(Trốn) Hồ Văn Bảo, 20/06/1976, B1794455, 194018462, Đức Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	8.587.425	1.964.688	10.552.113
12	(Trốn) Hồ Văn Đường, 10/08/1979, B8255103, Đức Trung, Đức Trạch, Bố trạch, Quảng Bình	8.652.425	1.979.559	10.631.984
13	(Trốn) Hồ Văn Sơn, 26/12/1978, Nghi Tiến,Nghi Lộc, Nghệ An	10.785.000	2.467.464	13.252.464
14	(Trốn) Hoàng Chính Dần, 20/07/1986, B3331115, Khối 6, Nghi Tân, Cửa Lò, Nghệ An	7.208.875	1.658.041	8.866.916
15	(Trốn) HOàng Đình Mười, 22/09/1981, B8115464, Kỳ Phú, Kỳ Anh, Hà Tĩnh - Công ty Hà Xuân	8.641.800	1.977.129	10.618.929
16	(Trốn) Hoàng Đức Phương, 06/11/1986, B9593817, Nghi Thủy, Cửa Lò, Nghệ An - Cty Chung Nghĩa	9.723.000	2.236.290	11.959.290
17	(Trốn) Hoàng Được, 15/06/1978, B7144652, Kỳ Phú, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	11.983.000	2.741.551	14.724.551
18	(Trốn) Hoàng Liên Sơn, 19/10/1977, B6335444, Kỳ Phú, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	8.587.050	1.975.022	10.562.072
19	(Trốn) Hoàng Nhật Nam, 15/05/1992, B5902185, Kỳ Phú, Kỳ ANh, Hà Tĩnh	8.641.800	1.977.129	10.618.929
20	(Trốn) Hoàng Thắng, 10/02/1994, B4984107, Quảng Văn, Quảng Trạch, Quảng Bình	9.360.500	2.141.558	11.502.058
21	(Trốn) Hoàng Thiết Sơn, 10/08/1973, C0424687, Quảng Trung, Ba Đồn, Quảng Bình	14.397.000	3.293.842	17.690.842
22	(Trốn) Hoàng Văn Chung, 20/11/1981, B8049304, 183177292, cương gián, nghi xuân, Hà tĩnh	8.835.000	2.032.050	10.867.050
23	(Trốn) Hoàng Văn Cuối, 03/04/1976, B9351351, Nhân Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	8.583.000	1.974.090	10.557.090
24	(Trốn) Hoàng Văn Đính, 26/09/1985, B8363088 , Cẩm Phúc, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	8.594.250	1.966.250	10.560.500
25	(Trốn) Hoàng Văn Hải, 23/07/1978, B8163854, Khối 2, Nghi Thủy, Cửa Lò, Nghệ An	8.587.425	1.964.688	10.552.113
26	(Trốn) Hoàng Văn Minh, 01/01/1981, B6311915 , 194204132, thôn Bắc Dinh, Nhân trạch, Bố trạc	8.655.800	1.990.834	10.646.634
27	(Trốn) Hoàng Văn Nguyên, 16/02/1979, 194063538, Hải Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	8.587.050	1.964.602	10.551.652
28	(Trốn) Hoàng Văn Sắc, 06/03/1989, B9628072, Cồn Sẻ, Quảng Lộc, Quảng Trạch, Quảng Bình	8.799.000	2.013.094	10.812.094
29	(Trốn) Hoàng Văn Tiến, 20/08/1983, C0100765, Hội Thủy, Xuân Hội, NGhi Xuân, Hà Tĩnh	13.284.000	3.039.202	16.323.202
30	(Trốn) Hoàng Văn Tuấn, 07/08/1994, B8920527, Chòm 3 Xuân hòa, Quảng Xuân, Quảng Trạch, Quảng	9.723.000	2.236.290	11.959.290
31	(Trốn) Hoàng Văn Tuyển, 17/03/1993, B7646964, Quảng Phú, Quảng Trạch, Quảng Bình	9.723.000	2.236.290	11.959.290
32	(trốn) Hoàng Vàng, 01/01/1991, B9243554, Quảng Lộc, Quảng Trạch, Quảng Bình	7.139.550	1.633.434	8.772.984
33	(Trốn) Hoàng Xuân Văn, 02/06/1986, Kỳ Khang, Kỳ Anh, Hà tĩnh	13.434.000	3.073.520	16.507.520
34	(Trốn) Lê Hồng Phú, 15/04/1994, 184238856, Cương Gián, Nghi Xuân, Hà Tĩnh	7.139.550	1.633.434	8.772.984
35	(Trốn) Lê Hồng Thoánh, 16/09/1985, C1433821, Bắc Sơn, Cương Gián, Nghi Xuân, Hà Tĩnh	9.723.000	2.236.290	11.959.290

TT	Tên người lao động	Tiền ký quỹ còn lại	Tiền lãi	Số tiền doanh nghiệp đã hạch toán
36	(Trốn) Lê Quốc Trí, 19/05/1992,B7020882 Xuân Liên, NGhi Xuân, Hà Tĩnh	8.587.425	1.964.688	10.552.113
37	(Trốn) Lê Văn Đông, 27/11/1972, 183444416, B8740915, Liên Thanh, Cẩm nhượng, cẩm xuyên, Hà T	8.603.250	1.968.309	10.571.559
38	(Trốn) Lê Văn Hồng, 12/05/1982, B8654438, Cẩm Nhượng Cảm Xuyên, Hà Tĩnh	8.583.000	1.963.676	10.546.676
39	(Trốn) Lê Văn Nam, 20/09/1987, 194379705, B8641137, Thanh trạch, Bố Trạch, Quảng Bình - Thủ	8.638.050	1.976.271	10.614.321
40	(Trốn) Lê Văn Tâm, 10/05/1992, B9987752, Kỳ Ninh, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	10.335.000	2.364.510	12.699.510
41	(Trốn) Mai Văn Gia, 22/12/1994, B9226075, Quảng Thọ, Quảng Trạch, Quảng Bình	13.434.000	3.073.520	16.507.520
42	(Trốn) Nguyễn Đình Mảo, 10/09/1988, B8934378, Thanh Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	8.587.050	1.964.602	10.551.652
43	(Trốn) Nguyễn Đình Trung, 05/10/1990, C1818672, Diễn Thịnh, Diễn Châu, Nghệ An	14.397.000	3.293.842	17.690.842
44	(Trốn) Nguyễn Đức Tường, 07/06/1989, B3236474 , Nhân Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	8.850.000	2.024.762	10.874.762
45	(Trốn) Nguyễn Duy Giang, 26/04/1987, 194236961, bảo ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	7.193.250	1.654.448	8.847.698
46	(Trốn) Nguyễn Hữu Cường, 07/02/1988, B4681329, Quảng Xuân, Quảng Trạch, Quảng Bình	8.603.250	1.978.748	10.581.998
47	(Trốn) Nguyễn Huỳnh Đức, 20/08/1994, B8634388, Thanh Thạch, Bố Trạch, Quảng Bình	8.583.000	1.963.676	10.546.676
48	(Trốn) Nguyễn Khắc Thú, 07/08/1976, B2107829, Xuân Hội, Nghi Xuân, Hà Tĩnh	13.434.000	3.073.520	16.507.520
49	(Trốn) Nguyễn Long, 01/01/1975, B4479669, Quảng Phúc, Quảng Trạch, Quảng Bình	8.589.350	1.965.129	10.554.479
50	(Trốn) Nguyễn Mạnh Tường, 18/08/1993, B5129946 , Kỳ Phú, Kỳ Ah, Hà Tĩnh - Hà Xuân	7.197.000	1.655.310	8.852.310
51	(Trốn) Nguyễn Minh Anh, 02/09/1977, B8748552, Thạch Kim, Lộc Hà, Hà Tĩnh	7.139.550	1.633.434	8.772.984
52	(Trốn) Nguyễn Ngọc Bá, 18/06/1977, B3582967, Kỳ Phú, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	9.723.000	2.236.290	11.959.290
53	(Trốn) Nguyễn Ngọc Việt, 06/06/1992, B9375012, Kỳ Khang, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	13.284.000	3.039.202	16.323.202
54	(Trốn) Nguyễn Sơn Hà, 03/05/1991,194468242, B5945385 , Hải Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	8.638.050	1.986.752	10.624.802
55	(Trốn) Nguyễn Thanh Sao, 24/08/1985, B6131678, 182558351, Xuân Lâu, Nghi Xuân, NGhi Lộc, Ngh	7.197.000	1.655.310	8.852.310
56	(Trốn) Nguyễn Thế Anh, 10/01/1984, C1840048, Mỹ Hòa, Quảng Phúc, Ba Đồn, Quảng Bình	14.397.000	3.293.842	17.690.842
57	(Trốn) Nguyễn Tiến Anh, 20/04/1994, 184112242, Kỳ Đồng, Kỳ Anh, Hà Tĩnh - Công ty TNHH Hà xu	7.193.250	1.645.720	8.838.970
58	(Trốn) Nguyễn Tiến Binh, 02/12/1992, B9302743, Kỳ Phú, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	7.139.550	1.633.434	8.772.984
59	(Trốn) Nguyễn Tiến Cương, 25/04/1993, B9290998, Kỳ Phú, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	8.587.050	1.964.602	10.551.652
60	(Trốn) Nguyễn Tiến Dung, 01/03/1985, B6234935, Kỳ Khang, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	10.335.000	2.364.510	12.699.510
61	(Trốn) Nguyễn Tiến Dương, 12/11/1980, B4431104, kỳ Phú, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	8.587.050	1.964.602	10.551.652
62	(Trốn) Nguyễn Tiến Hòa, 22/06/1986, B9373882, Kỳ Phú, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	13.683.000	3.130.488	16.813.488
63	(Trốn) Nguyễn Tiến NGhị, 08/07/1992, B7363822, Kỳ Đồng, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	7.208.750	1.658.013	8.866.763
64	(Trốn) Nguyễn Tiến Sáu, 07/02/1975, B4109590 , Phú hải, Kỳ Phú, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	7.207.625	1.657.754	8.865.379
65	(Trốn) Nguyễn Văn Biên, 26/10/1995, C2833030, Kỳ Khang, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	14.397.000	3.293.842	17.690.842
66	(Trốn) Nguyễn Văn Chung, 18/08/1993, B5950185, Nhân Thọ,Quảng Thọ, Ba Đồn, Quảng Bình	9.723.000	2.236.290	11.959.290
67	(Trốn) Nguyễn Văn Cương, 02/05/1988, B7167365, 183790131, Phú Tân, Kỳ Phú, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	9.723.000	2.236.290	11.959.290
68	(Trốn) Nguyễn Văn Đông, 10/10/1979, B5365179, Nghi Thiết, Nghi Lộc, Nghệ An	8.641.800	1.977.129	10.618.929
69	(Trốn) Nguyễn Văn Duẩn, 07/02/1990, B7971607, Nghi Tân, Cửa Lò, Nghệ An	8.639.925	1.987.183	10.627.108
70	(Trốn) Nguyễn Văn Dũng 07/08/1992, B7418243, Mỹ Hòa, Cẩm Hòa, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	14.397.000	3.293.842	17.690.842
71	(Trốn) Nguyễn Văn Dũng,05/06/1992, , Kỳ Ninh, Kỳ Anh, Hà Tĩnh- Công ty Hùng Phát	8.638.050	1.976.271	10.614.321
72	(Trốn) Nguyễn Văn Dương, 08/06/1983, 186371727, B3902991, Nghi Thiết, Nghi Lộc, Nghệ An	8.638.050	1.986.752	10.624.802
73	(Trốn) Nguyễn Văn Hạnh, 28/01/1984, Nghi thiết, Nghi Lọc, Nghệ An	8.639.925	1.987.183	10.627.108

TT	Tên người lao động	Tiền ký quỹ còn lại	Tiền lãi	Số tiền doanh nghiệp đã hạch toán
74	(Trốn) Nguyễn Văn Hiệp, 01/07/1991, B6221421, Kỳ Ninh, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	8.605.550	1.968.835	10.574.385
75	(Trốn) Nguyễn Văn Luận, 20/07/1981, B7638065, Đức trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	8.639.925	1.987.183	10.627.108
76	(Trốn) Nguyễn Văn Mạnh, 10/01/1979, 194220017, B4705778, Quảng Xuân, Quảng Trạch, Quảng Bìn	8.641.800	1.977.129	10.618.929
77	(Trốn) Nguyễn Văn Ngà, 15/12/1993, C0718498, Quảng Thọ, Ba Đồn, Quảng Bình	8.873.500	2.040.905	10.914.405
78	(Trốn) Nguyễn Văn PHúc, 10/11/1989, 194506302, Nhân Quang, Nhân Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	13.284.000	3.039.202	16.323.202
79	(Trốn) Nguyễn Văn Phương, 21/06/1991, 184030549, B4088597, Cương gián, Nghi Xuân Hà Tĩnh	7.139.550	1.633.434	8.772.984
80	(Trốn) Nguyễn Văn Tài, 08/02/1977, C1079177, Kỳ Phú, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	14.397.000	3.293.842	17.690.842
81	(Trốn) Nguyễn Văn Tân, 15/01/1986, B8765015, Kỳ phú, Kỳ Anh, Hà Tĩnh - Nguyễn Thị Thùy DUn	8.591.550	1.965.632	10.557.182
82	(Trốn) Nguyễn Văn Tân, 15/04/1992, B9708368, Kỳ Ninh, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	8.583.000	1.974.090	10.557.090
83	(Trốn) Nguyễn Văn Thái, 01/08/1986, 186276890, B4376066 , Khối 5, Nghi Tân, Cửa Lò, Nghệ An	7.197.000	1.655.310	8.852.310
84	(Trốn) Nguyễn Văn Thành, 02/03/1986, C1317190, Song Long, Cương Gián, Nghi Xuân, Hà Tĩnh	9.723.000	2.224.493	11.947.493
85	(Trốn) Nguyễn Văn Thành, 10/06/1975,B7431319, Nghi Thiết, Nghi Lộc, Nghệ An	8.639.925	1.976.700	10.616.625
86	(Trốn) Nguyễn Văn Trung, 03/02/1990, B6298392, Xuân Hòa, Quảng Xuân, Quảng Trạch, Quảng Bình	13.284.000	3.039.202	16.323.202
87	(Trốn) Nguyễn Văn Tuấn, 26/09/1987, B9123950, Kỳ Hà, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	13.284.000	3.039.202	16.323.202
88	(Trốn) Nguyễn Viết Trung 24/08/1994 B8848966 Thanh Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	13.284.000	3.039.202	16.323.202
89	(Trốn) Nguyễn Xuân Lành, 20/11/1979, B3989538 , Cương Gián, NGhi Xuân, Hà Tĩnh - Cty Công ng	8.638.050	1.976.271	10.614.321
90	(Trốn) Nguyễn Xuân Nghĩa, 10/09/1993, 184028986, B9120266, Kỳ Ninh, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	7.139.550	1.633.434	8.772.984
91	(Trốn) Nguyễn Xuân Quảng, 10/9/1973, B7311346, Xuân liên, nghi Xuân, Hà Tĩnh	10.342.425	2.366.209	12.708.634
92	(Trốn) Nguyễn Xuân Toàn, 20/05/1982, B2311698, Kỳ phú, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	7.146.750	1.635.081	8.781.831
93	(Trốn) Phạm Văn Đoài , 10/06/1974, 183071767, Cương gián, NGhi Xuân, Hà Tĩnh- Công ty TNHH C	7.193.250	1.645.720	8.838.970
94	(Trốn) Phạm Văn Đức, 18/09/1996, C6160617, Tân Tiến, Kỳ Ninh, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	8.657.000	1.980.606	10.637.606
95	(Trốn) Phạm Văn Lốc, 15/05/1993, 184020501, B4736715, Kỳ Ninh, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	8.638.050	1.976.271	10.614.321
96	(Trốn) Phạm Văn Mẫn, 12/11/1992, B7636641, Đông Tỉnh, Cảnh Dương,Quảng Trạch, Quảng Bình	9.320.000	2.132.292	11.452.292
97	(Trốn) Phạm Văn Thư, 04/02/1992, B4365935, Kỳ Đồng, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	8.584.350	1.963.985	10.548.335
98	(Trốn) Phan Huy Phụng, 01/07/1990. 183756400, Kỳ Phú , Kỳ Anh, Hà Tĩnh	8.639.925	1.976.700	10.616.625
99	(Trốn) Phan ngọc Nam, 10/10/1990, B7132551, Yên Lợi, Xuân Yên, Nghi xuân, Hà Tĩnh	8.587.425	1.964.688	10.552.113
100	(Trốn) Phan Văn Hòa, 10/06/1981, B7847729, Yên Lợi, Xuân yên, Nghi Xuân, Hà Tĩnh	8.641.800	1.977.129	10.618.929
101	(Trốn) Thiều Văn Định, 12/03/1991, CMT 183835427, Kỳ Khang, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	10.339.925	2.365.637	12.705.562
102	(Trốn) Tô Thái Bảo, 15/05/1990, B7360847, Kỳ Phú, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	7.139.550	1.633.434	8.772.984
103	(Trốn) Tô Văn Tiến, 20/05/1992, B9914915, Kỳ Đồng, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	10.335.000	2.364.510	12.699.510
104	(Trốn) Trần Công Hải, 24/08/1985, C0110830, Hòa Bình, Kỳ Thư, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	13.284.000	3.039.202	16.323.202
105	(Trốn) Trần Hải Quân, 02/03/1987, B9925436, Kỳ Phú, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	13.284.000	3.039.202	16.323.202
106	(Trốn) Trần Hạo, 05/01/1987, B7148482, Kỳ Ninh, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	8.603.250	1.968.309	10.571.559
107	(Trốn) Trần Hùng Cường, 21/07/1987, 183632502, B7257571, Kỳ Đồng, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	8.638.050	1.976.271	10.614.321
108	(Trốn) Trần Mạnh Hùng, 06/05/1994, C0670997, Yên Ngư, Xuân Yên, Nghi Xuân, Hà Tĩnh- Hồ Kim T	10.335.000	2.364.510	12.699.510
109	(Trốn) Trần Mạnh Hùng, 18/11/1993, B5056020, Phú Xuân, Quảng Phú, Quảng Trạch, Quảng Bình	9.723.000	2.236.290	11.959.290
110	(Trốn) Trần Ngọc Long, 24/04/1990, B2886093, Nguyễn Huệ, Kỳ Xuân, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	7.195.125	1.654.879	8.850.004
111	(Trốn) Trần Quốc Tiến, 26/08/1993, B9302742, Kỳ Phú, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	8.584.350	1.963.985	10.548.335